

## BÁO CÁO

### Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương Quý I năm 2018

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước; Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước và thực hiện Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

UBND tỉnh công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương quý I năm 2018, như sau:

#### 1. VỀ THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Tổng thu cân đối ngân sách nhà nước 3 tháng đầu năm 2018 trên địa bàn tỉnh là: 5.607 tỷ đồng, đạt 28 % dự toán HĐND tỉnh giao, cụ thể:

##### 1. Thu nội địa

Thực hiện thu nội địa 3 tháng đầu năm 2018 là: 4.310 tỷ đồng, đạt 28% dự toán, trong đó thu nội địa không kể tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết là: 4.067 tỷ đồng, đạt 27,8% so với dự toán, tăng 16,2% so cùng kỳ năm trước. Đa số nguồn thu đều đạt và vượt tiến độ thu so với dự toán, có 02 nguồn thu chưa đạt tiến độ thu là Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và thu khác ngân sách xã.

Riêng nguồn thu từ ô tô Trường Hải thực hiện Quý 1 đạt 2.563 tỷ đồng, đạt 31,6% so với kế hoạch nộp ngân sách năm 2018. Nguyên nhân nguồn thu này đạt tỷ lệ cao so với dự toán do Quý 01 năm 2018 đúng vào dịp Tết Nguyên đán Mậu Tuất, nhu cầu mua sắm ô tô tăng cao so với các tháng còn lại trong năm.

##### 2. Thu thuế Xuất nhập khẩu

Thực hiện 3 tháng đầu năm là 1.297 tỷ đồng, đạt 31% dự toán được HĐND tỉnh giao.

#### II. VỀ CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Dự toán chi ngân sách địa phương năm 2018 được Hội đồng nhân dân tỉnh giao là 20.067 tỷ đồng, thực hiện 3 tháng đầu năm là: 3.679 tỷ đồng, đạt 18% dự toán đầu năm. Cơ bản các nhiệm vụ chi đều bám sát dự toán giao, cụ thể:

1. Chi cân đối ngân sách: thực hiện 3 tháng đầu năm là: 3.679 tỷ đồng, đạt 21% dự toán giao. Trong đó:

a) Chi đầu tư phát triển: thực hiện 3 tháng đầu năm là: 1.566 tỷ đồng, đạt 64% dự toán đầu năm.

b) Chi thường xuyên: thực hiện 3 tháng đầu năm là 2.112 tỷ đồng, đạt 18% dự toán, các nhiệm vụ chi đều bám sát dự toán đầu năm.

c) Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay: 3 tháng đầu năm chưa thực hiện, do chưa đến kỳ trả nợ lãi vay.

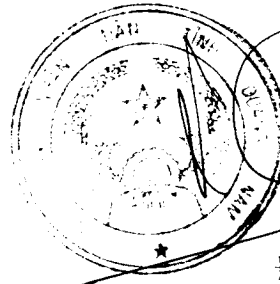
*(Chi tiết theo các biểu Phụ lục số 59/CK-NSNN; 60/CK-NSNN; 61/CK-NSNN)*

UBND tỉnh công bố công khai để các cơ quan, đơn vị biết theo dõi, chỉ đạo và thực hiện././

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài chính;
- TT TU, HĐND, UBNDTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Đình Văn Thu**

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I/2018

DVT: Triệu đồng

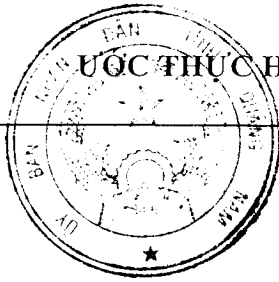


STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I/2018	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)		Ghi chú
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC	
A	B	1	2	3=2/1	4	5
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>23.521.325</b>	<b>10.905.645</b>	<b>46%</b>	<b>82%</b>	
<b>I</b>	<b>Thu cân đối NSNN</b>	<b>19.676.000</b>	<b>5.607.443</b>	<b>28%</b>	<b>63%</b>	
1	Thu nội địa	15.476.000	4.310.279	28%	72%	
2	Thu từ dầu thô					
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	4.200.000	1.297.164	31%	45%	
4	Thu viện trợ					
<b>II</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>	<b>3.845.325</b>	<b>5.298.202</b>	<b>138%</b>	<b>120%</b>	
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>20.067.870</b>	<b>3.679.918</b>	<b>18%</b>	<b>95%</b>	
<b>I</b>	<b>Chi cân đối NSDP</b>	<b>17.603.196</b>	<b>3.679.918</b>	<b>21%</b>	<b>95%</b>	
1	Chi đầu tư phát triển	2.461.938	1.566.219	64%	89%	
2	Chi thường xuyên	11.543.671	2.113.699	18%	99%	
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	11.901		0%		
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.450		0%		
5	Dự phòng ngân sách	512.325		0%		
6	Chi từ nguồn năm trước chuyển sang để tạo nguồn điều chỉnh cải cách tiền lương	3.032.462		0%		Khi chi thể hiện từng sự nghiệp của chi thường xuyên
7	Chi từ nguồn tăng thu mới năm 2018 được cấp lại	39.449		0%		
<b>III</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP</b>	<b>2.464.674</b>		<b>0%</b>		Khi chi thể hiện từng sự nghiệp của thường xuyên và từng lĩnh vực của đầu tư
<b>C</b>	<b>BỘI CHI NSDP/ BỘI THU NSDP</b>	<b>76.300</b>				
<b>D</b>	<b>CHI TRẢ NỢ GỐC</b>	<b>74.653</b>		<b>0%</b>		

## ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I/2018

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I/2018	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
<b>A</b>	<b>TỔNG THU CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH</b>	<b>19.676.000</b>	<b>5.607.402</b>	<b>28%</b>	<b>63%</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>15.476.000</b>	<b>4.310.279</b>	<b>28%</b>	<b>72%</b>
1	Thu từ khu vực DNNN	1.031.900	264.629	26%	75%
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.313.000	260.294	20%	97%
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	10.766.100	2.996.852	28%	68%
4	Thuế thu nhập cá nhân	380.000	134.554	35%	95%
5	Thuế bảo vệ môi trường	430.000	98.558	23%	55%
6	Lệ phí trước bạ	250.000	83.716	33%	89%
7	Các loại phí, lệ phí	100.000	95.619	96%	241%
8	Các khoản thu về nhà, đất	864.000	238.480	28%	63%
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	<i>4.000</i>	<i>751</i>	<i>19%</i>	<i>23%</i>
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	<i>821.000</i>	<i>222.204</i>	<i>27%</i>	<i>69%</i>
-	<i>Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>	<i>39.000</i>	<i>13.064</i>	<i>33%</i>	<i>26%</i>
-	<i>Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước</i>		<i>2.461</i>		<i>49%</i>
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	55.000	13.547	25%	55%
10	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	76.000	20.576	27%	
11	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác, thu khác ngân sách xã	40.000	2.614	7%	16%
12	Thu khác ngân sách	170.000	100.840	59%	191%
<b>II</b>	<b>Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu</b>	<b>4.200.000</b>	<b>1.297.123</b>	<b>31%</b>	<b>45%</b>
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	2.200.000	786.305	36%	52%
2	Thuế xuất khẩu				
3	Thuế nhập khẩu	2.000.000	510.818	26%	36%
4	Thuế tiêu tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu				
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu		41		
<b>IV</b>	<b>Thu viện trợ</b>				
<b>B</b>	<b>THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>	<b>13.681.572</b>	<b>3.864.361</b>	<b>28%</b>	<b>65%</b>
1	Từ các khoản thu phân chia	11.792.772	3.209.773	27%	61%
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	1.888.800	654.588	35%	90%



**ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I/2018**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I/2018	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)		GHI CHÚ
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ CÁC NĂM TRƯỚC	
A	B	1	2	3=2/1	4	5
	<b>TỔNG CHI NSDP (A+B)</b>	<b>20.067.870</b>	<b>3.679.918</b>	<b>18%</b>	<b>95%</b>	
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NSDP</b>	<b>17.603.196</b>	<b>3.679.918</b>	<b>21%</b>	<b>95%</b>	
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>2.461.938</b>	<b>1.566.219</b>	<b>64%</b>	<b>89%</b>	
1	Chi đầu tư cho các dự án	2.381.938	1.516.219	64%	87%	
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	80.000	50.000	63%		
3	Chi đầu tư phát triển khác					
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b> <i>Trong đó:</i>	<b>11.543.671</b>	<b>2.113.699</b>	<b>18%</b>	<b>99%</b>	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	4.328.909	785.296	18%	105%	
2	Chi khoa học và công nghệ	40.290	28.900	72%	118%	
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	1.109.456	205.504	19%	102%	
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	217.724	35.326	16%	156%	
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	48.417	9.610	20%	110%	
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	86.851	18.596	21%	111%	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	171.528	17.893	10%	92%	
8	Chi sự nghiệp kinh tế	2.034.780	182.484	9%	91%	
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	2.150.852	480.096	22%	96%	
10	Chi bảo đảm xã hội	1.025.896	228.873	22%	77%	
11	Chi quốc phòng	182.554	49.181	27%	103%	
12	Chi an ninh	82.512	22.246	27%	132%	
13	Chi trợ giá					
14	Chi khác	63.902	49.692	78%	204%	
<b>III</b>	<b>Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay</b>	<b>11.901</b>		<b>0%</b>		
<b>IV</b>	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>	<b>1.450</b>		<b>0%</b>		
<b>V</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>512.325</b>				

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I/2018	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)		GHI CHÚ
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ CÁC NĂM TRƯỚC	
A	B	1	2	3=2/1	4	5
VI	Chi từ nguồn năm trước chuyển sang để tạo nguồn điều chỉnh cải cách tiền lương	3.032.462				Khi chi thể hiện từng sự nghiệp của chi thường xuyên
VII	Chi từ nguồn tăng thu mới năm 2018 được cấp lại	39.449				
B	<b>CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP</b>	2.464.674	0			
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	472.921				Khi chi thể hiện từng sự nghiệp của thường xuyên và từng lĩnh vực của đầu tư
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	1.825.177				Khi chi thể hiện ở chi đầu tư
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	166.576				Khi chi thể hiện từng sự nghiệp của chi thường xuyên